

**BẢNG TIÊU CHÍ XÉT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CẤP KHOA
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2019 - 2020 - KHÓA 2019**

Khóa/ Ngành	SL SV	Học phí/ 1SV/học kỳ	Tổng Học phí toàn trường	Số tiền trích Học bổng (8%)	Tỉ lệ % trích HB	Số tiền còn phải chi	Quỹ Học bổng của từng ngành	Số suất HB chuẩn	Số suất Học bổng			Tổng Số tiền Học bổng	Chênh lệch
									XS	G	K		
1	2	3	4=3*2	5=4*8%	6=5/S cột 5	7=6*B	8=5+7	9	10	11	12	13	14 = 8-13
2019													
KHMT	215	5,850,000	1,257,750,000	100,620,000	34%	(61,976,214)	38,643,786	9	5	2		37,440,000	1,203,786
HTTTQL	182	5,850,000	1,064,700,000	85,176,000	29%	(52,463,586)	32,712,414	8		6	3	33,345,000	(632,586)
CNTT	227	5,850,000	1,327,950,000	106,236,000	36%	(65,435,351)	40,800,649	10	7			40,950,000	(149,351)
TỔNG	624	17,550,000	3,650,400,000	292,032,000	100%	(179,875,151)	112,156,849	27	12	8	3	111,735,000	421,849

- A: Quỹ học bổng nhà trường phân bổ

112,156,849 đồng

- B = A - S cột 5: Chênh lệch của Quỹ Học bổng nhà trường và tỷ lệ trích của Khoa

(179,875,151) đồng

- Cột 17 <= 0; Trường hợp C chưa <=0 các Khoa tiếp tục cân đối số suất HB cho đến hết phần kinh phí đã được phân bổ

- Căn cứ điểm trung bình học tập và điểm rèn luyện các Khoa xét theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết số suất HB theo kinh phí đã được phân bổ

Ghi chú:

- Cột 16 = (Cột 13 x Cột 6 x 130%) + (Cột 14 x Cột 6 x 110%) + (Cột 15 x Cột 6 x 100%)

Cột 9:

- Khóa 2016, 2017, 2018: =cột 8/(cột 2*70%) (do suất chuẩn là giới 70%)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

LÃNH ĐẠO KHOA

Trương Hoàng Vinh